

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 29-3-2022

“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Lâm Tới.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1974; Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1965; HKTT: T 9, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K. Nơi ở hiện nay: T 15, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Chung Chí Th, sinh năm: 1979; Bà Huỳnh Thị Th1, sinh năm: 1989; cùng cư trú: T13, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:* Vào năm 2018 đến năm 2020, Vợ chồng ông Tr và bà H có bán cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Th1 và ông Chung Chí Th nhiều năm mặt hàng tủ, bàn, ghế, nệm nhưng các bên đã

giải quyết xong việc tiền bạc mua bán, chỉ riêng vào năm 2020 sau khi kết sổ mua bán thì vợ chồng bà Huỳnh Thị Th1 và ông Chung Chí Th còn nợ lại số tiền 66.900.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà Th1, ông Th có trả được hai lần, cụ thể:

+ Ngày 27/12/2020 dương lịch, trả được là 36.900.000 đồng.

+ Ngày 30/12/2020 âm lịch, trả được là 3.000.000 đồng.

Còn nợ lại 27.000.000 đồng, vợ chồng ông, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Th và bà Th1 trả số tiền còn lại nhưng kéo dài đến nay. Nên yêu cầu bà Th1, ông Th trả ngay số tiền 27.000.000 đồng và ông, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Chung Chí Th và bà Huỳnh Thị Th1 có ý kiến trình bày như sau: Ông, bà thừa nhận có mua tủ, nệm, bàn, ghế của ông Tr, bà H nhiều lần từ năm 2018 đến năm 2020. Hiện nay còn nợ số tiền 27.000.000 đồng chưa thanh toán, do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Từ chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định được thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 ông Th, bà Th1 có mua tủ, bàn, ghế, nệm nhiều lần, với số tiền là 66.900.000 đồng, đã trả được 39.900.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng. Điều này được bị đơn thừa nhận, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Do đó, đủ cơ sở kết luận ông Th, bà Th1 còn nợ tiền mua bán của ông Tr, bà H là 27.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán nhưng các bên không có đăng ký kinh doanh, nên xác định vụ án tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán.

- Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng yêu cầu này là giao dịch dân sự, đối tượng là mua bán nệm, tủ, bàn, ghế theo quy định Điều 428 Bộ luật dân sự. Về hình thức thì loại giao dịch này theo quy định điều 119 Bộ luật dân sự có thể thực hiện bằng thỏa thuận, không quy định bắt buộc về hình thức, việc giao dịch không vi phạm điều kiện của hợp đồng theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự, nên hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Xét về hợp đồng mua bán thấy rằng: Trên cơ sở tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng mua bán nệm, từ các tài liệu chứng cứ, thì ông Th và bà Th1 cùng thực hiện hợp đồng mua nệm của ông Tr, bà H; thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, tổng cộng 66.900.000 đồng, đã trả 39.900.000đ nhưng ông Th, bà Th1 không thanh toán được dẫn đến còn nợ số tiền 27.000.000 đồng. Nó cũng phù hợp với biên bản hòa giải tại ấp Phú Tâm, lần I ngày 10/9/2021 và lần II ngày 16/9/2021 có sự xác nhận của bà Th1 còn nợ 27.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán nệm giữa ông Tr, bà H với ông Th, bà Th1 là thực tế.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được 39.900.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng, điều này được ông Th và bà Th1 đều thừa nhận là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định được ông Th, bà Th1 còn nợ ông Tr, bà H tiền mua bán tủ, bàn, ghế, nệm là 27.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn khoản nợ này.

Theo ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Th, bà Th1 có nghĩa vụ trả cho ông Tr, bà H số tiền mua tủ, bàn, ghế, nệm còn nợ tổng cộng 27.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn Tr đối với bị đơn ông Chung Chí Th và bà Huỳnh Thị Th1.

- Buộc bị đơn ông Chung Chí Th và bà Huỳnh Thị Th1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn Tr số tiền vốn mua bán nệm, tủ, bàn, ghế còn nợ là 27.000.000đ (*hai mươi bảy triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Chung Chí Th và bà Huỳnh Thị Th1 phải chịu 1.350.000đ (*một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Tr được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 675.000đ (*Sáu trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007364 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND h. Tỉnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THADS h. Tỉnh Biên;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thanh Hoàng**

**Huỳnh Thị Thanh**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**